TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều;
2. Ông Phạm Xuân Đính.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toản – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 398/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXX-ST ngày 03/5/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 17/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Nh, sinh năm: 1968; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1968; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Nh trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc Nh và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với với nhau từ năm 2005, hai bên có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Khi chung sống với nhau chưa có ai có vợ, có chồng, hai bên đã đủ tuổi kết hôn theo quy định Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại: Tổ 3, ấp 4, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông H thường nhậu nhẹt, không lo làm ăn nên vợ chồng thường cải vã nhau. Vì vậy, nhận thấy đời sống chung không còn

hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Nh xin được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Nh và ông H có hai con chung tên Nguyễn Khắc K, sinh năm: 2005 và Nguyễn Hữu L, sinh năm: 2007. Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi con chung, để vợ chồng tự thỏa thuận

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Hiện vợ chồng không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trong biên bản ghi lời khai đã trình bày:

Ông H và bà Nh tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, mặc dù cả hai đủ điều kiện kết hôn. Ông H nhận thấy vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn gì lớn do ông H làm phụ hồ, công việc không ổn định nên bà Nh thường gây gỗ, chửi bới. Ông H không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng chung sống với nhau để cung nhau nuôi dạy con chung.

Con chung: Ông H cũng thống nhất với yêu cầu của bà Nh, nếu vợ chồng ly hôn, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết giao nuôi hai con chung tên Nguyễn Khắc Kiệt, sinh năm: 2005 và Nguyễn Hữu Lộc, sinh năm: 2007, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Tài sản chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Ông H thống nhất vợ chồng không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ chung nên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS 2015;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP về án phí lệ phí Tòa án. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Không công nhận bà Nguyễn Ngọc Nh và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. ***Về thủ tục tố tụng***:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do bà Nguyễn Ngọc Nh khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn H, có nơi tạm trú và sinh sống tại: Tổ 3, ấp 4, xã M, huyện Ch, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt đến lần thứ 2 không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điều 227, điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2].***Về nội dung:***

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Nh và ông Nguyễn Văn H tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2005 khi về chung sống với nhau cả hai còn độc thân, hai bên đã đủ tuổi kết hôn, khi chung sống hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay bị lừa dối và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Tuy nhiên, bà Nh và ông H không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Ngọc Nh là không hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nh cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng thường cải vã, xung đột với nhau. Ông H cũng thừa nhận do ông làm công việc phụ hồ không ổn định nên bà Nh thường gây gỗ, chửi bới nhưng ông H không muốn ly hôn, muốn vợ chồng chung sống để cùng nuôi dạy con chung. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nh và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Tuy nhiên, do bà Nh và ông H chung sống với nhau không làm thủ tục kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà Nh và ông H là không hợp pháp. Do đó, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nh cần căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Ngọc Nh và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nh và ông H thống nhất trình bày không vay nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Nh phải chịu theo quy định.

[4]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét thấy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận bà Nguyễn Ngọc Nh và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng và bà Nh phải nghĩa vụ chịu án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 08, 09, 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 264, điều 266, điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Nh. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Ngọc Nh và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Nh phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009780 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3.Về quyền kháng cáo: **N**guyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh – VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện Chơn Thành;*
- *Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;*
- *UBND xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS+VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà